

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **340/2024/DS-PT**

Ngày: 27/6/2024

V.v: Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Bà Đặng Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6388/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn I, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Quốc T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thị Trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Đình L – Công ty L3, Đoàn Luật sư tỉnh H (có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Lê Thị L1, sinh năm 1944; địa chỉ: Số nhà A, ngõ A phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ:

Tòa S, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt);

- Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1944 (có mặt); địa chỉ: Tòa S, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội

- Ông Hoàng Thanh T1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

- Ông Hoàng Thanh T2, sinh năm 1982 (vắng mặt);

- Bà Hoàng Thị H1 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, ông T2, bà H1: Ông Hoàng Văn H (có mặt).

- Bà Hoàng Thị H2; địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn là ông Hoàng Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Hoàng Văn M trình bày:

Năm 1975, ông và bà Nguyễn Thị T3 được cấp hai thửa đất số 559 và 561, tờ bản đồ 2A (theo bản đồ 299 nay là thửa đất số 22 với diện tích 1.259,8m² và thửa đất số 23 với diện tích 575,6m² thuộc tờ bản đồ 48), tại thôn I, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi được cấp đất, gia đình ông đã xây dựng nhà ở, công trình chăn nuôi, trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định hơn 45 năm. Đến năm 2010, ông bà chuyển về ở trên đất cha mẹ đẻ tại thôn I nhưng vẫn đi lại trồng và chăm sóc cây trên thửa đất cũ. Năm 2020, ông bà về làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSD đất*) thì được biết thửa đất đã được cấp GCNQSD đất cho cụ Hoàng Văn T4, cụ Lê Thị L1. Ông M cho rằng việc Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) huyện C cấp thửa đất trên cho vợ chồng cụ Hoàng Văn T4 là trái quy định pháp luật nên ông M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc gia đình cụ Lê Thị L1 trả lại cho gia đình ông M toàn bộ phần diện tích đất có tại thửa số 22, tờ bản đồ số 48, địa chỉ: Thôn I, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Hủy GCNQSD đất số BN165625 do UBND huyện C cấp ngày 13/07/2015 mang tên cụ Hoàng Văn T4 và cụ Lê Thị L1.

** Bị đơn là cụ Lê Thị L1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Văn H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn trình bày:*

Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là của cố Hoàng Văn D (là ông nội của

ông Hoàng Văn H) để lại cho cha mẹ của ông H là cụ Hoàng Văn T4 và cụ Trần Thị Liên t năm 1960. Năm 1962, cha mẹ ông H làm nhà, sinh sống trên đất. Tháng 10 năm 1968, cụ L2 bị bom chết trong nhà, cụ T4 công tác tại Ty y tế Q, các anh chị em ông H về ở với ông bà nội. Vườn tược nhờ cụ Hoàng S là anh trai của cụ T4 trông coi, canh tác. Năm 2001, cụ Hoàng S chết, mảnh vườn của cha mẹ ông do bác cả và các con bác cả quản lý. Khi cụ T4 về hưu, có nguyện vọng về quê sinh sống, nên năm 2011, chính quyền làm thủ tục đo đạc lại đất để cấp GCNQSD đất cho cụ T4 và người vợ sau là cụ Lê Thị L1. Gia đình ông M chỉ ở trên đất có mấy năm thuộc thập niên 80, không phải ở 45 năm như ông M trình bày và thừa đất ông M được cấp là thửa số 23, tờ bản đồ số 48, phía sau đất của cha mẹ ông. Vì thế, đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất và hủy GCNQSD đất đã cấp cho cụ T4, cụ L1, gia đình bị đơn cũng như những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn không đồng ý.

** Đại diện UBND xã C và UBND huyện C trình bày:* Thừa đất tranh chấp trước thời điểm gia đình ông M đến ở thì hộ gia đình cụ Hoàng Văn T4 đã làm nhà ở ổn định trên thửa đất này. Ông Hoàng Văn M cho rằng thửa đất này gia đình ông được cấp nhưng ông không xuất trình được các loại giấy tờ có liên quan đến việc cấp đất của chính quyền qua các thời kỳ. Mặt khác mục đích trên GCNQSD đất là đất trồng cây lâu năm. Vì vậy, UBND xã C và huyện C đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

** Những người làm chứng là ông Hoàng Văn K, ông Hoàng Văn P, ông Hoàng Xuân S1, ông Trần Huy H3, ông Hoàng Văn K1, bà Hoàng Thị H1 trình bày:* Nguồn gốc thửa đất tranh chấp trước đây do vợ con cụ Hoàng Văn T4 ở. Năm 1968, vợ cụ T4 bị bom chết, nên cụ T4 đưa các con đi nơi khác sinh sống. Sau đó khoảng năm 1980, gia đình ông Hoàng Văn M về sinh sống, đến năm 2009, gia đình ông M quay về sinh sống tại nhà bố mẹ, không sống trên thửa đất tranh chấp.

** Kết quả thẩm định, định giá xác định:* Diện tích đất tranh chấp có tổng diện tích là 1.250,8m², tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông M dài 40,05m, phía Tây giáp đường giao thông dài 39,61m, phía Nam giáp mương thoát nước dài 40,39m, phía Bắc giáp mương thoát nước dài 23,69m. Trên đất không có công trình xây dựng kiên cố nào, chỉ có một số cây keo và cỏ tạp. Tổng giá trị thửa đất là 265.621.800 đồng; giá trị cây cối trên đất là 1.166.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn M về việc buộc gia đình cụ Lê Thị L1 trả lại cho gia đình ông Hoàng Văn M toàn bộ phần diện tích đất có tại thửa số 12, tờ bản đồ số 48, địa chỉ: Thôn I, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn về đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN165625 do UBND huyện C cấp ngày 13/07/2015 mang tên cụ Hoàng Văn T4 và cụ Lê Thị L1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2023, nguyên đơn ông là Hoàng Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M trình bày:

- Về tố tụng: Việc những người thừa kế của bà L2 ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng, nhưng chỉ lập thành văn bản, không lập hợp đồng ủy quyền là không đúng quy định; bà H1 ủy quyền cho ông H không phải là ủy quyền tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà T3 vợ ông M tham dự phiên tòa là vi phạm tố tụng.

- Về nội dung: Việc UBND huyện C cấp GCNQSD đất cho ông T4, bà L1 là không đúng đối tượng vì ông T4 thoát ly từ trước năm 1975; bà L1 là người huyện Nghi X trong khi đất thuộc loại trồng cây lâu năm; ông T4 thuộc đối tượng bị thu hồi đất vì đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, nhưng không quản lý, sử dụng trong thời gian dài nên bị thu hồi; Đất đang có tranh chấp nhưng UBND huyện vẫn cấp GCNQSD đất là không đúng. Phía ông T4 không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện là đất của gia đình mình.

Từ những vi phạm, thiếu sót nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Việc những người thừa kế của bà L2 ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng có lập thành văn bản; bà H1 ủy quyền cho ông H là tham gia giải quyết vụ án, mặc dù hình thức của văn bản ủy quyền chưa đảm bảo, nhưng vi phạm này không phải là căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập vợ ông M tham dự phiên tòa, nhưng ông M và người đại diện đã tham dự phiên tòa nên quyền lợi của gia đình ông M cũng không bị ảnh hưởng.

- Về yêu cầu đòi đất: Ông M không có tài liệu, chứng cứ về việc được giao đất; không kê khai cấp GCNQSD đất, thực tế hiện tại không sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất; căn cứ vào việc kê khai, cấp

GCNQSD đất để bác yêu cầu đòi đất của gia đình ông M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là ông Hoàng Văn M kháng cáo trong hạn luật định và làm đầy đủ các thủ tục theo quy định, theo quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của ông M là hợp pháp nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Hoàng Văn M khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSD đất nên theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3] Việc những người thừa kế của bà L2 ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng nhưng các bên không lập hợp đồng mà chỉ lập thành văn bản, trong đó thể hiện đầy đủ các nội dung của hợp đồng ủy quyền là đã thể hiện đúng ý chí của những người ủy quyền; bà H1 ủy quyền cho ông H là tham gia giải quyết vụ án, mặc dù hình thức của các văn bản ủy quyền chưa đảm bảo, nhưng nội dung đã thể hiện rõ việc ủy quyền tham gia tố tụng. Mặt khác, những người ủy quyền và được ủy quyền đều không khiếu nại về vấn đề ủy quyền, nên việc ủy quyền này không bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà T3 vợ ông M tham dự phiên tòa, nhưng ông M và người đại diện cũng như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M đều tham dự phiên tòa nên quyền lợi của gia đình ông M cũng không bị ảnh hưởng.

- Về nội dung:

[5] *Về yêu cầu buộc gia đình cụ Lê Thị L1, người đại diện là ông Hoàng Văn H trả lại cho gia đình ông M toàn bộ phần diện tích đất có tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 48:*

[5.1] Nguyên đơn là ông Hoàng Văn M cho rằng thửa đất tranh chấp số 22, diện tích 1.250,8m² có nguồn gốc là của vợ chồng ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị T3 được UBND xã cấp. Tuy nhiên, ngoài lời khai, ông M, bà T3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông bà đã được cơ quan có thẩm quyền cấp thửa đất nói trên. Trong khi đó, lời khai của bà Trần Thị S2 nguyên Chủ tịch UBND xã C từ năm 1973 đến năm 1978; ông Trần Công T5, nguyên Bí thư Đảng ủy, nguyên Chủ tịch UBND xã C từ năm 1979 đến năm 1981;

ông Phạm Danh T6, nguyên Chủ tịch UBND xã C từ năm 1981 đến tháng 5/1985 đều xác nhận không có quyết định thu hồi đất của cụ Hoàng Văn T4, cũng không cấp đất của cụ T4 cho ai.

[5.2] Bên cạnh đó, những người làm chứng phía ông M gồm ông Hoàng Văn K1, bà Hoàng Thị H1, ông Dương Đ, ông Trần Huy H3 và những người làm chứng phía ông H gồm: Ông Hoàng Xuân S1, ông Hoàng Văn P, ông Hoàng Văn K, bà Hoàng Thị M1, bà Hoàng Thị H4 đều khẳng định, từ năm 1968 trở về trước, gia đình cụ T4, cụ L2 đã sinh sống trên đất đến tháng 10/1968, cụ L2 chết, cụ T4 công tác xa, các con của cụ T4 còn nhỏ nên sau đó gia đình mới ly tán. Người làm chứng bà Hoàng Thị H4 còn khẳng định thêm: từ năm 1969 đến năm 1979, thửa đất do gia đình cụ S là anh trai cụ T4 quản lý, sử dụng sản xuất, sau đó ông M mới đến ở một thời gian.

[5.3] Ông M cho rằng gia đình ông đã sinh sống trên đất từ năm 1975 đến năm 2009 nhưng về mốc thời gian sinh sống bao lâu ông M không có căn cứ chứng minh. Gia đình ông M cũng không thực hiện việc đăng ký, kê khai xin cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 22. Quá trình lập hồ sơ cấp GCNQSD đất, tại bản kê khai quyền sử dụng đất cùng trong năm 2012, ông M cũng không kê khai thửa đất số 22 mà chỉ kê khai thửa đất số 23 - thửa đất đã được cấp GCNQSD đất cho ông M. Ngoài lời trình bày của mình, nguyên đơn không xuất trình thêm được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Việc gia đình nguyên đơn có đến sinh sống trên đất một thời gian là tự phát và chưa đủ cơ sở để khẳng định thửa đất số 22 từ bản đồ số 48 mang tên cụ Hoàng Văn T4 và cụ Lê Thị L1 đã được cấp GCNQSD đất số BN165625 do UBND huyện C cấp ngày 13/07/2015 là của ông Hoàng Văn M. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] *Xét yêu cầu hủy GCNQSD đất số BN165625 do UBND huyện C cấp ngày 13/07/2015 mang tên cụ Hoàng Văn T4 và cụ Lê Thị L1:*

[6.1] Về trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất, chính quyền địa phương đã căn cứ vào nguồn gốc đất thổ cư trước đây của bố mẹ cụ T4 để lại cho cụ T4, trên cơ sở lấy ý kiến của nhân dân sinh sống trong thôn xóm để cấp GCNQSD đất theo chủ trương cấp đồng loạt trong nhân dân.

[6.2] Phía bị đơn thừa nhận chữ ký Hoàng Văn M trong phiếu lấy ý kiến khu dân cư là không đúng. Tuy nhiên, hồ sơ cấp GCNQSD đất của cụ Hoàng Văn T4 và cụ Lê Thị L1 ngoài phiếu lấy ý kiến khu dân cư, cơ quan chuyên môn còn căn cứ vào nhiều loại tài liệu khác để cấp GCNQSD đất, nên thiếu sót này không làm thay đổi thực tế là đất của cha mẹ cụ T4 để lại, cụ T4 đã làm nhà ở trên đất một thời gian. Tuy vậy, ngoài việc có tên trong bản đồ 299 và có xác nhận của các hộ dân về nguồn gốc quá trình sử dụng đất trước đây của cụ T4, cụ L1 thì cũng đã một thời gian rất dài cụ T4, cụ L1 không sinh sống và sử dụng đất, không thực hiện các nghĩa vụ với địa phương.

[6.3] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSD đất, đồng thời kiến nghị UBND huyện C rà soát, xem xét lại các căn cứ, quy trình thủ tục

cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 48, tổng diện tích là 1.250,8m². Trong đó có 300m² đất ở và 950,8m² đất trồng cây lâu năm theo GCNQSD đất số BN165625 do UBND huyện C cấp ngày 13/07/2015 mang tên cụ Hoàng Văn T4 và cụ Lê Thị L1 là đúng với các quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Ý kiến của người đại diện của ông M cũng như ý kiến lập luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M là không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Hoàng Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Hoàng Văn M.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là ông Hoàng Văn M được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Lợi